TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-PT
Ngày: 10/4/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

***Các thẩm phán*:** Bà Nguyễn Thị Nhiên

Bà Trần Thị Chọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 về yêu cầu "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do bản án sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: - Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1981 *(có mặt)*

- Ông Dương Văn P, sinh năm 1982 *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh- Kiên Giang.

Người đại diện cho bà L và ông P: Ông Thái Văn B, sinh năm 1962. Địa chỉ: 75/39/9A QT, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Tại văn bản ủy quyền ngày 15/2/2023. *(có mặt)*

2. Bị đơn: - Bà Đặng Thị Thanh M, sinh năm 1975 *(có mặt)*

- Ông Ngô Thanh Đ, sinh năm 1975 *(có mặt)*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Ngô Thị Mỹ T, sinh năm 2002 *(vắng mặt có đơn)*;

Cùng địa chỉ: ấp 11A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ và bà Đặng Thị Thanh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng L trình bày và yêu cầu như sau*:**

Năm 2015 và năm 2017, bà L và ông P có cho bà M và ông Đ vay tiền nhiều lần số tiền gốc cụ thể như sau:

Vào ngày 11/8/2015 bà M và con bà M là cháu T có nhờ bà L vay tiền dùm 10.000.000đ, khi vay thì bà M nói trả tiền hụi, khi đưa tiền cho bà M vay thì bà L có viết giấy nhận tiền tiêu đề " *tờ thỏa thuận mượn tiền*" đưa bà M xem ,bà M và cháu T đồng ý ký tên, hình thức vay tiền trả góp, mỗi ngày bà M phải trả cho bà L 100.000đ, trả trong thời hạn 02 tháng đủ tiền gốc + lãi nhưng khi nhận tiền của bà L xong thì mãi đến năm 2016, bà M không trả tiền nên bà L đòi, bà M có trả cho bà L được 2.000.000đ tiền lãi, từ đó đến nay không trả. Hiện nay còn nợ lại 10.000.000đ. Không yêu cầu cháu T cùng trả. Việc vay tiền này ông Đ biết, số tiền này bà M và ông Đ còn nợ bà L khoản tiền lãi từ ngày 11/8/2016 đến ngày 16/11/2021 là 5 năm 3 tháng. Gốc là 10.000.000đ x 20% x 5 năm 3 tháng = 10.500.000đ. Tổng 20.500.000 đồng.

Ngày 10/4/2016 ông Đ, bà M có hỏi vay của bà L số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn cho vay không quy định mà ông Đ nói khi nào bán đất ở ấp 11A, xã Đ được trả tiền cho bà L, hiện nay ông Đ và bà M đã bán được đất không trả tiền cho bà L, khi vay ông Đ có ghi biên nhận. Số tiền lãi tính đến ngày khởi kiện ông Đ và bà M thiếu tiền lãi 33.000.000đ (30.000.000đ x 20% x 5 năm 6 tháng. Tổng số tiền là 63.000.000đ.

Ngày 20/01/2017 bà M có vay của bà L số tiền 10.000.000đ (phần này không có biên nhận nên rút lại yêu cầu).

Ngày 16/02/2017 ông Đ có hỏi vay 60.000đ để nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất, bà L và ông P không đưa tiền trực tiếp cho ông Đ mà mang tiền lại kho bạc Nhà Nước nộp tiền thay cho ông Đ (hiện nay hóa đơn nộp tiền cung cấp cho Tòa), lãi suất thỏa thuận 4.800.000đ/tháng, ông Đ nói chuyển nhượng đất được trả tiền cho bà L, hiện nay ông Đ đã chuyển nhượng đất xong không trả tiền nhưng thời gian kéo dài bà có đến gặp ông Đ đòi tiền thì ông Đ và bà M hẹn lần lược. Từ khi vay đến nay có trả tiền lãi được 01 tháng, còn thiếu lại từ ngày 17/3/2017 cho đến nay. Nay yêu cầu ông Đ và bà M trả tiền vay gốc 60.000.000đ và tiền lãi suất 20%/năm, thời hạn tính lãi từ ngày 17/3/2017 đến nay là 04 năm 8 tháng, số tiền lãi là 56.000.000đ. Tổng là 116.000.000đ.

Nay bà L và ông P khởi kiện yêu cầu bà M và ông Đ trả số tiền vay còn thiếu là 100.000.000đ, tiền lãi 99.500.000đ. Số tiền này trước đây khi khởi kiện bà L và ông P chưa khởi kiện đòi ông Đ và bà M. Vì Thời điểm đó là ông Đ, bà M khởi kiện bà L, ông P, sau đó bà L phản tố chỉ có phần liên quan đến phần ông Đ kiện số tiền chuyển nhượng đất và cầm cố quyền sử dụng đất, còn lại các khoản tiền vay này là chưa kiện nên biên nhận vẫn còn xác định trong Bản án số: 59/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử thì chưa kiện đòi ông Đ, bà M trả khoản tiền này.

* ***Bị đơn bà Đặng Thị Thanh M trình bày*:**

Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng L, bà M xác định ngày tháng không nhớ, khoảng năm 2015, bà L làm chủ hụi bà M tham gia 01 phần, loại hụi 2.000.000đ, nhưng đến mãn hụi bà còn thiếu bà L 10.000.000đ giữa bà và bà L thỏa thuận chuyển sang phần tiền vay, mỗi ngày bà phải trả cho bà L 200.000đ/ngày, khi cộng sổ thì bà L có ghi trong cuốn sổ nhưng không nhớ loại sổ gì, bà có ký tên. Sau khi thỏa thuận xong không có khã năng trả tiền góp, chuyển sang tiền vay tháng, mỗi tháng trả 2.000.000đ, phần này bà M đã trả xong do tin tưởng nên không lấy lại biên nhận.

Theo tài liệu chứng cứ kèm theo thì có 01 giấy thỏa thuận mượn tiền, bà xác định giấy thỏa thuận vay tiền bà L cung cấp không phải là chữ ký và chữ viết của bà. Nay theo yêu cầu của bà L bà không đồng ý và không yêu cầu giám định chữ ký đó.

***Bị đơn ông Ngô Thanh Đ trình bày*:**

Vào khoảng năm 2016 ông có thiếu nợ Ngân hàng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông cần chuyển mục đích sử dụng đất nên có gặp bà L hỏi vay 250.000.000đ để trả nợ Ngân hàng và sau khi trả nợ Ngân hàng xong nhận giấy chứng nhận QSDĐ về làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng, nên ông có làm thế chấp vay tiền của bà L số tiền trên. Sau khi làm thủ tục được cấp giấy QSDĐ thì bà L trực tiếp nhận và quản lý. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do bà L làm, ông Đ, bà M xem ký tên vào hợp đồng. Khi ông Đ và bà M đến nhận tiền vay thì bà L nói là chưa đủ số tiền 250.000.000đ giao cho ông Đ nên bà L đưa trước cho ông 30.000.000đ (ông viết biên nhận), ông xác định chứng cứ mà L cung cấp là chữ viết của ông nhưng còn phía dưới của tờ giấy thì còn ghi rất nhiều chứ không phải có bao nhiêu nên ông yêu cầu bà L cung cấp tờ giấy nguyên trang, bởi vì trang giấy này ông còn ghi số tiền bà L phải đưa tiếp cho ông là 220.000.000đ, khoảng một tháng sau thì bà L và ông P đưa cho ông thêm 170.000.000đ. Khi đến hạn trả tiền bà L tính lãi quá cao nên phát sinh tranh chấp ông Đ và bà M khởi kiện

yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A giải quyết, sau khi Tòa án huyện xét xử ông kháng cáo và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết xong , ông và bà M đã thanh toán đủ số tiền cho bà L theo Bản án phúc thẩm. Ông Đ xác định tính đến thời điểm hiện nay ông và bà M không còn nợ tiền bạc gì đối với bà L và ông P.

Đối với giấy nộp thuế thì người nộp tiền thay là ông Dương Văn P là ông có nhờ ông P nộp tiền thay nhưng khi làm hợp đồng thế chấp có tính trừ vào số tiền 250.000.000đ. Đến thời điểm hiện nay không còn nợ khoản tiền nào của bà L và ông P.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Mỹ T trình bày: Do lâu quá không nhớ nhưng năm 2015, thì bà L có cầm quyển tập (loại tập học sinh) đưa cho chị ký nhưng chị không đọc nội dung ghi việc gì, tờ thỏa thuận hiện nay Tòa án đưa chị xem thì chữ ký giống với chữ ký của chị, chữ viết là không, chị không yêu cầu giám định.

Tại phiên tòa:

Bà L và ông Đ, bà M vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên.

Ông Dương Văn P và chị Ngô Thị Mỹ T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

[1] Buộc ông Ngô Thanh Đ và bà Đặng Thị Thanh M trả cho bà Trần Thị Hồng L và ông Dương Văn P 196.119.000 đồng (*Một trăm chín mươi sáu triệu một trăm mười chín ngàn đồng*); trong đó: tiền vay gốc là 100.000.000 + tiền lãi là 96.119.000đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không trả hoặc trả không đủ số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Đình chỉ xét xử một phần rút yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng L, ông Dương Văn P, đòi ông Đ, bà M trả số tiền 10.000.000đ và rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Ngô Thị Mỹ T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Đến ngày 09/5/2022 ông Ngô Thanh Đ, bà Đặng Thị Thanh M có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung:

Đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa: Bà M, ông Đ không thừa nhận các khoản vay như đơn khởi kiện của bà L. Các khoản nợ này đã được giải quyết trong bản án phúc thẩm số 59 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang, vợ chồng ông đã thanh toán xong.

Tại phiên tòa: Người đại diện của bà L, ông P đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm buộc ông Đ, bà M thanh toán nợ cho bà L, ông P.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Việc tuân tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hai khoản vay tiền 30.000.00đ ngày 10/4/2016 và khoản tiền vay 60.000.000đ ngày 17/3/2017. Do không có căn cứ chứng minh. Riêng khoản nợ 10.000.000đ vay 11/8/2015 được bị đơn thừa nhận có vay nhưng không chứng minh được việc có trả khoản nợ này nên đề nghị buộc bị đơn trả khoản nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Ngô Thanh Đ, bà Đặng Thị Thanh M kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn, nên Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Dương Văn P có văn bản uỷ quyền cho ông Thái Văn B tham gia phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Mỹ T có đơn xin xử vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS xử vắng mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Đơn khởi kiện bà L, ông P yêu cầu bà M, ông Đ trả ba khoản nợ gồm nợ tiền góp, nợ tiền mượn, nợ tiền nộp thuế, ông Đ, bà M thừa nhận có nợ nhưng đã được các bên tổng kết nợ và được giải quyết bằng một bản án phúc thẩm số 59/2021/DS-PT ngày 27/4/2021 của Toà án tỉnh Kiên Giang, đã thi hành xong.

[3] Xét yêu cầu của bị đơn ông Ngô Thanh Đ, bà Đặng Thị Thanh M:

[3.1] Xét khoản nợ tiền góp 10.000.000 đồng ngày 11/8/2015 bà M thừa nhận có khoản vay này các bên thoả thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, bà M đã trả xong, bà L không thừa nhận, tại phiên Toà phúc thẩm bà M không có chứng cứ chứng minh nào khác đã thanh toán khoản nợ này, cấp sơ thẩm buộc ông Đ, bà M trả khoản nợ gốc này là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi cấp sơ thẩm tính 20%/năm x 5 năm, 3 tháng = 10.500.000 đồng để buộc ông Đ, bà M trả là chưa chính xác. Vì tờ thoả thuận mượn tiền ngày 11/8/2015 do bà L cung cấp các bên không thoả thuận lãi suất và thời hạn trả, chỉ thoả thuận thời gian chuyển tiếp nếu không trả thì lấy tiền hụi trả hoặc cố đất trả, thời gian kéo dài bà L không có bất cứ một động thái nào nhắc nhở, thậm chí khi các bên tranh chấp năm 2018 bà L có yêu cầu phản tố đối với khoản nợ vay của bà M, ông Đ cũng không nhắc đến khoản nợ này, đến ngày 09/12/2021 bà L mới làm đơn khởi kiện đòi khoản nợ này lẽ ra cấp sơ thẩm nên áp dụng khoản 4 Điều 466 BLDS để buộc ông Đ, bà M trả lãi cho phù hợp. Do vậy cần phải điều chỉnh lãi suất như sau 10.000.000đ x 20%/ năm x 8 tháng 20 ngày = 1.438.000đ. Tổng 11.438.000đ.

[3.2] Đối với khoản nợ 30.000.000 ngày 10/4/2016 ông Đ không thừa nhận khoản nợ vay này cũng như không thừa nhận tờ mượn nợ do bà L cung cấp. Xét tờ biên nhận nợ chỉ thể hiện nội dung mượn tiền không lãi suất và thời hạn trả, không có chữ ký tên của người vay, tờ giấy đã bị cắt nên tờ nhận nợ không có giá trị pháp lý, Toà sơ thẩm dựa vào tờ biên nhận này để buộc bị đơn trả nợ là chưa đủ cơ sở. Nghỉ nên không chấp nhận yêu cầu này.

[3.3] Đối với khoản nợ 60.000.000 đồng ngày 17/3/2017 tiền mượn nợ nộp thuế ông Đ thừa nhận có mượn của bà L, ông P khoản tiền này để nộp thuế nhưng đã khấu trừ trong khoản nợ 250.000.000 đồng, được giải quyết tại bản án số 59/2021/DS-PT ngày 27/4/2021 của Toà án tỉnh Kiên Giang, đã thi hành xong. Bà L, ông P không thừa nhận. Qua đối chiếu hồ sơ bản án số 59 có biên nhận nợ (BL 17) thể hiện ông Đ có ký nợ và được bà L gạch chéo biên nhận này nên bà L không yêu cầu giải quyết nội dung khoản nợ này trong bản án số 59/2021/DSPT ngày 27/4/2021 do vậy cấp sơ thẩm buộc ông Đ, bà M trả khoản nợ này cho nguyên đơn là không có căn cứ.

Do vậy qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Ngô Thanh Đ, bà Đặng Thị Thanh M. Sữa bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[4]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Các bên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Thanh Đ, bà Đặng Thị Thanh M được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 469, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Thanh Đ, bà Đặng Thị Thanh M.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[1] Buộc ông Ngô Thanh Đ và bà Đặng Thị Thanh M trả cho bà Trần Thị Hồng L và ông Dương Văn P 11.438.000đ (*Mười một triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng*); (trong đó: tiền vay gốc là 10.000.000đ + tiền lãi là 1.438.000đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không trả hoặc trả không đủ số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Bác yêu cầu bà Trần Thị Hồng L và ông Dương Văn P yêu cầu ông Ngô Thanh Đ và bà Đặng Thị Thanh M trả tiền gốc 90.000.000 đồng và lãi 94.681.000 đồng.

[3] Đình chỉ xét xử một phần rút yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng L, ông Dương Văn P đòi ông Đ, bà M trả số tiền 10.000.000đ và rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Ngô Thị Mỹ T.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đặng Thị Thanh M và ông Ngô Thanh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 571.900đ (*Năm trăm bảy mươi mốt ngàn, chín trăm đồng*) phần phải trả nợ đối với bà L.

Bà L, ông P phải chịu án phí do yêu cầu không được chấp nhận là 184.681.000 đồng x 5% = 9.234.000 đồng. Được khấu trừ số tiền 5.087.000đ tạm ứng án phí mà bà L, ông P nộp theo biên lai số 0005209 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà L, ông P phải nộp thêm 4.147.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Thanh Đ, bà Đặng Thị Thanh M được trả lại mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu 0000909; 0000910 ngày 14/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang do kháng cáo được chấp nhận một phần.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Tấn

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Nhiên **Trần Thị Chọn** **Lê Quang Tấn**